

Số: /BGDDĐT-GDTrH
V/v góp ý dự thảo Thông tư ban hành
Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở
và tuyển sinh trung học phổ thông

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Kế hoạch công tác năm 2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Dự thảo Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (Dự thảo). Dự thảo đã được gửi xin ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 18/10/2024.

Để hoàn thiện Dự thảo và ban hành Thông tư, trân trọng đề nghị các Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức góp ý đối với Dự thảo; tổng hợp các ý kiến góp ý bằng văn bản theo phụ lục (gửi kèm Công văn này).

Văn bản góp ý xin được gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Trung học, email: vugdtrh@moet.gov.vn), số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội trước ngày 23/11/2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thuồng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

Nguyễn Xuân Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Công văn số **7185** BGDDT-GDTrH ngày **06/11/2024** của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**ĐỀ CƯƠNG GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY CHẾ TUYỂN SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ
VÀ TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

I. GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ

Điều	Nội dung Dự thảo Thông tư	Ý kiến góp ý, điều chỉnh(*)	Lý do điều chỉnh
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG			
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1. Quy chế này quy định về tuyển sinh vào lớp 6 trung học cơ sở và tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông.		
	2. Quy chế này áp dụng đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; các tổ chức và cá nhân có liên quan. Cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên được tự chủ xác định phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, địa bàn tuyển sinh.		
	3. Trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thực hiện tuyển sinh theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt		

	và quy định tại quy chế này.		
Điều 2. Nguyên tắc tuyển sinh	1. Hằng năm tổ chức 01 (một) lần tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.		
	2. Việc tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông bảo đảm an ninh, an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc; bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tuyển sinh.		
	3. Việc tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông phải bảo đảm mục tiêu giáo dục toàn diện của giai đoạn giáo dục cơ bản.		
Điều 3. Độ tuổi tuyển sinh	Tuổi của học sinh trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học		
Điều 4. Công tác chỉ đạo và tổ chức tuyển sinh	1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); đại học, trường đại học, viện nghiên cứu có trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học) chỉ đạo và tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; xem xét, quyết định xử lý những trường hợp đặc biệt liên quan bảo đảm mục đích, yêu cầu tổ chức tuyển sinh.		
	2. Hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.		

	<p>a) Thành phần Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban, Ủy viên và Thư kí. Số lượng, cơ cấu thành viên Ban Chỉ đạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học quyết định.</p> <p>b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông: giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học chỉ đạo triển khai kế hoạch tuyển sinh; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các khâu ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi nếu tổ chức thi tuyển; xử lí các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức tuyển sinh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cấp có thẩm quyền về tình hình tổ chức tuyển sinh.</p> <p>c) Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông: Trưởng ban chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo và tổ chức cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; các Phó Trưởng ban, Ủy viên và Thư kí chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Trưởng ban.</p>		
Chương II TUYỂN SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ			
Điều 5. Đối tượng tuyển	Học sinh hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, học viên hoàn thành chương		

sinh trung học cơ sở	trình xóa mù chữ có độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học		
Điều 6. Phương thức tuyển sinh trung học cơ sở	1. Tuyển sinh trung học cơ sở được thực hiện theo phương thức xét tuyển. Trường hợp trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp trung học cơ sở (sau đây gọi chung là trường trung học cơ sở) có số học sinh đăng kí vào học lớp 6 nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh thì được thực hiện tuyển sinh theo phương thức kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.		
	2. Căn cứ để xét tuyển là kết quả rèn luyện và kết quả học tập các năm học chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học hoặc chương trình xóa mù chữ của đối tượng tuyển sinh, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.		
	3. Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục đại học hướng dẫn việc tuyển sinh theo phương thức kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.		
Điều 7. Hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở	1. Mã định danh học sinh hoặc bản sao căn cước hoặc bản sao giấy khai sinh.		
	2. Học bạ cấp tiểu học (học bạ giấy hoặc học bạ số) hoặc hồ sơ hoàn thành Chương trình xóa mù chữ cấp tiểu học. Trường hợp học sinh là người Việt Nam từ nước ngoài chuyển về hoặc học sinh người nước ngoài đang học tại Việt Nam thì phải có hồ sơ xác nhận kết quả học tập tương đương với học bạ cấp tiểu học.		

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở	1. Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học ra quyết định thành lập.		
	2. Mỗi trường trung học cơ sở thành lập 01 (một) Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở trong năm tổ chức tuyển sinh. Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng; Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Tổ trưởng chuyên môn; Thư kí và Ủy viên là giáo viên, nhân viên.		
	3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở. a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy chế tuyển sinh; thông báo kế hoạch tuyển sinh và các nội dung có liên quan đến học sinh, cha mẹ học sinh. b) Tổ chức việc đăng kí, nộp hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở; kiểm tra tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. c) Tổ chức thực hiện phương án tuyển sinh và báo cáo nhà trường đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển sinh. d) Đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức có thành tích; đề nghị xử lí đối với cá nhân, tổ chức vi phạm quy chế tuyển sinh. đ) Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở do Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo, người đứng cơ sở giáo dục đại học quy định.		
Điều 9. Quy trình tuyển	1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ sở giáo dục đại học phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học		

sinh trung học cơ sở	<p>cơ sở, bao gồm các nội dung cơ bản sau: đối tượng tuyển sinh; chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh; phương thức tuyển sinh; quy trình nộp hồ sơ tuyển sinh; xét tuyển và công bố kết quả tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở được công bố trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.</p>		
	<p>2. Hiệu trưởng trường trung học cơ sở tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở đã được phê duyệt; trình Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học phê duyệt kết quả tuyển sinh.</p>		
Chương III TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG			
Điều 10. Đối tượng tuyển sinh trung học phổ thông	<p>Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở có độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học</p>		
Điều 11. Phương thức tuyển sinh trung học phổ thông	<p>Tuyển sinh trung học phổ thông được tổ chức theo một trong ba phương thức: xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển.</p> <p>1. Xét tuyển: căn cứ để xét tuyển là kết quả rèn luyện và kết quả học tập các năm học chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở hoặc chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở của đối tượng tuyển sinh, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.</p>		
	<p>2. Thi tuyển: căn cứ để xét tuyển là kết quả thi tuyển theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.</p>		

	3. Kết hợp thi tuyển với xét tuyển: căn cứ để xét tuyển là sự kết hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.		
Điều 12. Tổ chức thi tuyển	1. Môn thi a) Số môn thi: 03 (ba) môn gồm Toán, Ngữ văn và 01 (một) môn thi thứ ba hoặc bài thi tổ hợp do Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục đại học lựa chọn 01 (một) trong 02 (hai) phương án sau và được công bố trước ngày 31 tháng 3 hằng năm: - Môn thi thứ ba được lựa chọn trong số các môn học có đánh giá bằng điểm số trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở. Việc lựa chọn môn thi thứ ba có sự thay đổi qua các năm nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện trong giai đoạn giáo dục cơ bản; - Bài thi tổ hợp các môn học được lựa chọn trong số các môn học có đánh giá bằng điểm số trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.		
	b) Thời gian làm bài thi: Ngữ văn là 120 phút; Toán là 90 phút hoặc 120 phút; môn thi thứ ba là 60 phút hoặc 90 phút; bài thi tổ hợp là 90 phút hoặc 120 phút.		
	c) Nội dung thi: nằm trong chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, chủ yếu là chương trình lớp 9.		
	d) Đối với việc tuyển sinh trường trung học phổ thông chuyên, sử dụng kết quả các môn thi quy định tại điểm a của khoản này và có thêm 01		

<p>(một) môn thi chuyên. Mỗi môn chuyên có một đề thi riêng theo chương trình môn học cấp trung học cơ sở, có nội dung phù hợp với môn chuyên, bảo đảm lựa chọn được những học sinh có năng khiếu về môn chuyên đó. Thời gian làm bài thi môn chuyên là 150 phút.</p>		
<p>2. Ra đề thi a) Công tác ra đề thi phải bảo đảm an toàn, bảo mật ở tất cả các khâu: ra đề, in sao đề thi, vận chuyển, bàn giao và bảo quản đề thi; đề thi bảo đảm chính xác, khoa học và tính sư phạm; có đề thi chính thức và đề thi dự bị; mỗi đề thi có đáp án kèm theo, riêng đề thi tự luận có thêm hướng dẫn chấm thi.</p>		
<p>b) Thành phần Hội đồng ra đề thi gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo các phòng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở giáo dục đại học là lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học hoặc lãnh đạo các phòng trực thuộc cơ sở giáo dục đại học), Thư kí, người soạn thảo đề thi, người phản biện đề thi, cán bộ công an, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế, lực lượng bảo vệ. Người soạn thảo đề thi và người phản biện đề thi là chuyên viên, cán bộ quản lí, giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn phù hợp, am hiểu chương trình môn học ở cấp trung học cơ sở. Mỗi môn thi có ít nhất 01 (một) người soạn thảo đề thi hoặc người phản biện đề thi là giáo viên cấp trung học cơ sở.</p>		

<p>c) Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng ra đề thi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng: điều hành toàn bộ công việc của Hội đồng; xây dựng quy định làm việc, phân công công việc cho các thành viên của Hội đồng; kí duyệt các đề thi chính thức và đề thi dự bị, hướng dẫn chấm thi của đề thi chính thức và đề thi dự bị; xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lí sự cố về đề thi; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỉ luật đối với các thành viên trong Hội đồng; - Phó Chủ tịch Hội đồng: giúp Chủ tịch Hội đồng trong công tác điều hành theo phân công của Chủ tịch Hội đồng; - Người soạn thảo đề thi, người phản biện đề thi: thực hiện soạn thảo, phản biện đề thi theo phân công của Chủ tịch Hội đồng ra đề thi; thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công; - Thư kí: giúp lãnh đạo Hội đồng xây dựng kế hoạch làm việc của Hội đồng, soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; chuẩn bị các số liệu, tài liệu, điều kiện và phương tiện để Hội đồng làm việc; thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công; - Lực lượng công an: có trách nhiệm xây dựng, triển khai phương án, bảo đảm an ninh an toàn, cách li thông tin, kiểm soát người, đồ vật ra/vào, các cuộc liên lạc bằng điện thoại cố định tại khu vực làm việc của Hội đồng ra đề thi; tham mưu Chủ tịch Hội đồng ra đề thi xử lí các tình huống 		
--	--	--

	<p>về an ninh, an toàn và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng ra đề thi phân công; Người làm nhiệm vụ bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ: thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công.</p>		
	<p>3. Coi thi a) Công tác coi thi phải bảo đảm công bằng, an toàn, nghiêm túc. Quy trình coi thi và phân công trách nhiệm các thành phần tham gia coi thi phải đầy đủ, rõ ràng, bảo đảm tính độc lập, khách quan giữa các khâu; có biện pháp hiệu quả để chống gian lận trong thi cử. Bố trí cơ cấu giám thị, cán bộ giám sát coi thi phù hợp với số lượng phòng thi; số lượng thí sinh trong mỗi phòng thi không quá 24 (hai mươi bốn) thí sinh, mỗi phòng thi bố trí 02 (hai) giám thị.</p>		
	<p>b) Thành phần Hội đồng coi thi gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường trung học phổ thông; Phó Chủ tịch là Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn trường trung học phổ thông; Thư kí và giám thị là giảng viên, giáo viên; cán bộ công an, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế, lực lượng bảo vệ.</p>		
	<p>c) Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng coi thi - Chủ tịch Hội đồng: điều hành toàn bộ công việc của Hội đồng; tổ chức cho các thành viên của Hội đồng và thí sinh học tập, nắm vững, thực hiện đúng Quy chế thi, Hướng dẫn tổ chức thi và các văn bản khác liên quan; xử lí các sự cố bất thường trong quá trình coi thi; xem xét,</p>		

<p>quyết định hoặc đề nghị hình thức khen thưởng, kỉ luật đối với các thí sinh và các thành viên của Hội đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phó Chủ tịch Hội đồng: giúp Chủ tịch Hội đồng trong công tác điều hành theo phân công của Chủ tịch Hội đồng; - Thư kí: giúp Chủ tịch Hội đồng soạn thảo các văn bản, lập bảng biểu và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công; - Giám thị: thực hiện nhiệm vụ coi thi theo phân công của Chủ tịch Hội đồng; - Công an, bảo vệ, nhân viên y tế và nhân viên phục vụ kì thi: thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch Hội đồng; không được vào phòng thi trong thời gian thí sinh làm bài thi. Trong trường hợp thí sinh có sự cố về sức khỏe trong phòng thi, nhân viên y tế chỉ được vào phòng thi để xử lí khi nhận được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng coi thi. 		
<p>4. Chấm thi</p> <p>a) Việc chấm thi phải bảo đảm an toàn, bảo mật bài thi ở tất cả các khâu: nhận bàn giao bài thi, bảo quản bài thi, làm phách, tổ chức chấm thi. Với bài thi tự luận, phải tổ chức cho giám khảo nghiên cứu, thảo luận vận dụng đáp án và hướng dẫn chấm; tổ chức chấm chung ít nhất 10 (mười) bài thi; tổ chức chấm hai vòng độc lập. Với bài thi trắc nghiệm, phải tổ chức tập huấn cho giám khảo về sử dụng phần mềm chấm thi. Phần mềm chấm thi phải bảo đảm chính xác, khoa học;</p>		

	<p>được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng chấm thi</p>		
	<p>b) Thành phần Hội đồng chấm thi gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc lãnh đạo các phòng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với cơ sở giáo dục đại học là lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học hoặc lãnh đạo các phòng trực thuộc cơ sở giáo dục đại học), Thư kí, giám khảo, cán bộ công an, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế, lực lượng bảo vệ; giám khảo là giảng viên, giáo viên am hiểu chương trình môn học ở cấp trung học cơ sở.</p>		
	<p>c) Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng chấm thi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng: điều hành toàn bộ công việc của Hội đồng chấm thi; đình chỉ việc chấm thi của giám khảo khi giám khảo vi phạm Quy chế thi; xây dựng phương án xử lý kết quả thi; xem xét và kết luận các hình thức kỉ luật đối với những người vi phạm Quy chế thi; - Phó Chủ tịch Hội đồng: chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng; - Thư kí: chịu trách việc soạn thảo các văn bản, lập các bảng, biểu theo quy định, ghi biên bản các cuộc họp Hội đồng; ghép phách, lên điểm thi; thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công; 		

	<ul style="list-style-type: none"> - Giám khảo: thực hiện nhiệm vụ chấm thi và các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Hội đồng; - Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ: thực hiện các công việc theo sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. 		
	<p>5. Phúc khảo bài thi</p> <p>a) Việc phúc khảo bài thi phải bảo đảm an toàn, bảo mật bài thi ở tất cả các khâu: rút bài thi, bàn giao bài thi, bảo quản bài thi, chấm phúc khảo bài thi; quy trình chấm phúc chấm phúc khảo thực hiện như quy trình chấm thi.</p> <p>Với bài thi trắc nghiệm, thực hiện đối chiếu từng câu trả lời đã tô trên phiếu trả lời trắc nghiệm với hình ảnh đã quét lưu trong máy tính. Nếu có những sai lệch giữa phiếu trả lời trắc nghiệm và kết quả lưu trên máy tính, phải xác định rõ nguyên nhân để tìm ra kết quả chính xác; thực hiện in kết quả chấm từ phần mềm chấm thi trước và sau khi sửa lỗi để lưu hồ sơ.</p> <p>b) Thành phần, trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng phúc khảo bài thi thực hiện như thành phần, trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng chấm thi quy định tại khoản 4 Điều này. Thành phần giám khảo chấm phúc khảo không được trùng với giám khảo Hội đồng chấm thi.</p>		
	<p>6. Điểm xét tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông là tổng điểm của các môn thi, bài thi tính theo thang điểm 10 với mỗi môn thi, bài thi.</p>		

	Việc công bố điểm chuẩn được thực hiện đồng thời với công bố điểm thi.		
	7. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học quyết định thành lập các Hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi theo phạm vi quản lí.		
	8. Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục đại học căn cứ quy định tại Quy chế này quy định cụ thể việc ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi; quy định nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thi phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.		
Điều 13. Hồ sơ tuyển sinh trung học phổ thông	1. Mã định danh học sinh hoặc bản sao căn cước hoặc bản sao giấy khai sinh.		
	2. Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời. Trường hợp học sinh là người Việt Nam từ nước ngoài chuyển về hoặc học sinh người nước ngoài đang học tại Việt Nam thì phải có hồ sơ xác nhận kết quả học tập tương đương với bằng tốt nghiệp trung học cơ sở		
	3. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên (nếu có).		
Điều 14. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên tuyển sinh trung học phổ thông	1. Tuyển thẳng vào trung học phổ thông các đối tượng sau đây:		
	a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở. b) Học sinh là người dân tộc rất ít người. c) Học sinh khuyết tật. d) Học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) đối với các môn văn hóa, văn nghệ, thể		

	<p>thao cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc.</p> <p>đ) Học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử</p>		
	<p>2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên.</p> <p>Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 đối với mỗi môn thi. Trong đó, nhóm 1: được cộng 2.0 điểm; nhóm 2 được cộng 1.5 điểm; nhóm 3 được cộng 1.0 điểm.</p>		
	<p>a) Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945</p>		
	<p>b) Nhóm đối tượng 2: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính</p>		

	sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.		
	c) Nhóm đối tượng 3: Học sinh là người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; học sinh là người dân tộc thiểu số; Học sinh đang sinh sống, học tập ở các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.		
Điều 15. Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông	1. Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học ra quyết định thành lập.		
	2. Mỗi trường trung học phổ thông thành lập 01 (một) Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông trong năm tổ chức tuyển sinh. Thành phần Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông gồm: Chủ tịch là hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng; Phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng hoặc Tổ trưởng chuyên môn; Thư kí và Ủy viên là giảng viên, giáo viên, nhân viên.		
	3. Nhiệm vụ của Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy chế tuyển sinh; thông báo kế hoạch tuyển sinh và các nội dung khác có liên quan đến học sinh, cha mẹ học sinh. b) Tổ chức việc đăng kí, nộp hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh trung học phổ thông; kiểm tra tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.		

	<p>c) Tổ chức thực hiện phương án tuyển sinh và báo cáo nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển sinh theo quy định.</p> <p>d) Đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức có thành tích; đề nghị xử lý i luật đối với cá nhân, tổ chức vi phạm quy định của tuyển sinh.</p> <p>đ) Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông do Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục đại học có trường trung học phổ thông quy định.</p>		
Điều 16. Quy trình tuyển sinh trung học phổ thông	<p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ sở giáo dục đại học phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông bao gồm các nội dung cơ bản sau: đối tượng tuyển sinh; chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh; phương thức tuyển sinh; chế độ tuyển thẳng, ưu tiên; quy trình nộp hồ sơ tuyển sinh; xét tuyển và công bố kết quả tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông được công bố trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.</p>		
	<p>2. Hiệu trưởng trường trung học phổ thông tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông đã được phê duyệt; trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học phê duyệt kết quả tuyển sinh.</p>		
Chương IV TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN			
Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Giáo	<p>1. Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông trên phạm vi toàn quốc.</p>		

dục và Đào tạo	2. Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.		
Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1. Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông thuộc phạm vi quản lý.		
	2. Chỉ đạo, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông.		
	3. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trên địa bàn.		
Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Chỉ đạo, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở.		
	2. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trên địa bàn.		
Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo	1. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông.		
	2. Đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thi tuyển: a) Quy định về việc tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi. b) Tổ chức lựa chọn môn thi thứ ba hoặc bài thi tổ hợp và tổ chức thi tuyển theo quy định tại Điều 12 Quy chế này. c) Ban hành quyết định thành lập các hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi.		
	3. Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường trung học phổ thông thực hiện công tác tuyển sinh		

	4. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông; quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh trung học phổ thông.		
	6. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật.		
	7. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kì và hàng năm, báo cáo đột xuất về công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.		
Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học	1. Ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông theo phạm vi quản lí.		
	2. Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông theo phạm vi quản lí.		
	3. Đối với cơ sở giáo dục đại học tổ chức thi tuyển: a) Quy định về việc tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi. b) Tổ chức lựa chọn môn thi thứ ba hoặc bài thi tổ hợp và tổ chức thi tuyển theo quy định tại Điều 12 Quy chế này. c) Ban hành quyết định thành lập các hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi.		
	4. Hướng dẫn các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc phạm vi quản lí thực hiện công tác tuyển sinh.		
	5. Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở, Hội đồng tuyển sinh trung học phổ thông; quyết định phê duyệt kết quả tuyển		

	sinh trung học cơ sở, kết quả tuyển sinh trung học phổ thông thuộc phạm vi quản lí.		
	6. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật.		
	7. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kì và hàng năm, báo cáo đột xuất về công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông với Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo.		
Điều 22. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	1. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở.		
	2. Hướng dẫn các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí thực hiện công tác tuyển sinh.		
	3. Quyết định thành lập các Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở; quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí.		
	4. Tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh trung học cơ sở của các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lí.		
	5. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.		
	6. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kì và hàng năm, báo cáo đột xuất về công tác tuyển sinh trung học cơ sở với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo.		
Điều 23. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục	1. Công khai kế hoạch tổ chức tuyển sinh theo quy định.		
	2. Hướng dẫn đối tượng tuyển sinh đăng kí dự tuyển sinh theo quy định tại Quy chế này.		

	3. Tuyển sinh đối tượng học sinh khuyết tật có nhu cầu học.		
	4. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật.		
	5. Thực hiện thống kê, báo cáo công tác tuyển sinh về cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp.		
	6. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra nội bộ về công tác tuyển sinh.		
Điều 24. Thanh tra, kiểm tra	Công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành có liên quan.		
Điều 25. Khen thưởng và xử lý vi phạm	1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông được đề nghị khen thưởng theo quy định của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.		
	2. Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định của Quy chế này bị xử lý theo quy định của pháp luật.		
	3. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.		

(*): Trường hợp nhất trí với nội dung Dự thảo, không có ý kiến điều chỉnh, đề nghị điền nội dung “Nhất trí”.

II. Ý KIẾN KHÁC

.....